

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2024/HS-PT

Ngày: 24 - 9 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Chung;

2. Ông Nguyễn Tân Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 168/2024/TLPT-HS, ngày 13/8/2024 đối với bị cáo Bùi Thị Đ và 01 bị cáo khác, về tội “Đánh bạc”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2024/HS-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Thị Đ - Sinh ngày 01/01/1976, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 0/12; giới tính: nữ; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn B và bà Vũ Thị S (cha mẹ bị cáo đều đã chết); bị cáo có chồng là Đỗ Văn M, sinh năm: 1965 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995 và con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 07/4/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc” (Bản án số 59/2006/HS-ST); ngày 04/6/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” (Bản án số 182/2018/HS-PT), bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2024 đến ngày 19/3/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Thục H - Sinh ngày 25/02/1975, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Xuân S, sinh năm: 1940 và bà Nguyễn Thị Hương T, sinh năm: 1955;

bị cáo có chồng là Trần Minh T1 sinh năm 1972 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995 và con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2024 đến ngày 19/3/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có 03 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/3/2024, Nguyễn Thị M1 điều khiển xe Mô tô nhãn hiệu SH Mode, màu đỏ đen, biển số 47B2 - 212.xx và Trần Thị K cùng đến nhà Trương Thị Đ1 tại địa chỉ số x, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chơi, một lúc sau có Bùi Thị Đ cũng đến nhà Đ1 chơi. Tại đây, Đ1, M1, Đ và K cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài Phỏm tại phòng ngủ thứ nhất của gia đình Đ1, cả 04 người ngồi trên 04 ghế nhựa màu vàng, ở giữa đặt 01 chiếc bàn kim loại, bên trên bỏ 01 cái chăn màu xanh đã gấp gọn và sử dụng 04 bộ bài Tây 52 lá chưa qua sử dụng làm công cụ đánh bạc.

Các bị cáo thống nhất cách thức thắng thua như sau: Đánh đầu chón mỗi người 3.000.000 đồng, ai về nhất thắng tiền của 03 người còn lại, trong đó về nhì thua số tiền 50.000 đồng, về ba thua số tiền 100.000 đồng, về chót thua số tiền 150.000 đồng; bài bị cháy (không có phỏm) thua số tiền 200.000 đồng; Ủ thường thắng 03 người còn lại mỗi người số tiền 250.000 đồng; Ủ tròn thắng 03 người còn lại mỗi người số tiền 500.000 đồng; tứ quý thắng 03 người còn lại mỗi người số tiền 250.000 đồng; một lá bài cá thắng 03 người còn lại mỗi người số tiền 50.000 đồng; tứ quý cá thắng 03 người còn lại mỗi người số tiền 500.000 đồng; người nào bị ăn lá bài thứ nhất thua số tiền 50.000 đồng, lá bài thứ hai thua số tiền 100.000 đồng, lá bài chót hạ thua số tiền 200.000 đồng. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì Đ thua chón thứ nhất, các bị cáo tiếp tục đánh chón thứ hai. Tại chón thứ 2, Mỹ, Đ, K bỏ đủ mỗi người số tiền 3.000.000 đồng, riêng Đ1 do thiếu tiền nên chỉ bỏ ra số tiền 2.350.000 đồng. Các bị cáo đánh chón thứ 2 đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì có Lê Thị Thục H điều khiển xe Mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, biển số 47B2 - 530.xx đến và nằm trên giường ngủ sát cạnh nơi các bị cáo đánh bạc. Một lúc sau, Đ1 đi nấu ăn nên nhường lại tụ cho H tiếp tục đánh bạc với Mỹ, Đ và K, thời điểm này, tụ của Đ1 có số tiền 3.900.000 đồng (tức Đ1 đang thắng số tiền 1.550.000 đồng). Lúc này, Đ1 và H thỏa thuận Đ1 sẽ nhường lại số tiền này cho H đánh bạc, khi nào đánh xong thì H sẽ trả lại số tiền trên cho Đ1, ngoài ra H phải bỏ thêm số tiền 650.000 đồng mà Đ1 đầu thiếu ở chón thứ 2. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi Mỹ, Đ, K và H đang đánh bạc thì bị Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang. Tạm giữ tại sòng bạc số tiền 9.050.000 đồng, thu giữ trên người các con bạc số tiền 64.100.000 đồng, 04 bộ bài Tây 52 lá mỗi bộ, 01 cái chăn màu xanh, 01 bàn kim loại, 04 ghế nhựa và 02 xe Mô tô. Hình thức, cách thức đánh bài Phỏm được thua bằng tiền như sau:

Các bị cáo sử dụng 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 lá để bốc lá bài cá, còn dùng 01 bộ bài khác để chia đều cho tất cả những người tham gia đánh bạc 09 lá bài, riêng người chia bài 10 lá bài, số lá bài còn lại thì để úp xuống chiếu bạc. Người chia bài dùng số bài được chia đánh 01 lá bài qua người chơi bên cạnh, người bên cạnh có quyền lựa chọn lấy lá bài vừa đánh qua (ăn bài), hoặc lấy 01 lá bài từ số lá bài tại chiếu bạc rồi đánh 01 lá bài khác từ phần bài của mình qua người chơi bên cạnh kế tiếp làm sao đảm bảo trên tay của mỗi người chơi luôn có 09 lá bài. Cứ như thế cho đến khi ván bài kết thúc, tức là khi có một người đánh bạc thắng: là người có bài ù (tức 09 lá bài đều tạo thành phỏm gọi là ù thường, 10 lá bài tạo thành phỏm gọi là ù tròn); hoặc qua hết các lượt đánh, khi hạ bài số điểm cộng lại từ các lá bài không tạo thành phỏm là nhỏ nhất hoặc tất cả bài 04 người chơi đều “cháy” (số lá bài qua hết các lượt đánh không tạo thành phỏm) nhưng là người hạ bài đầu tiên Phỏm được hiểu là 03 lá bài trở lên giống nhau hoặc tạo thành thứ tự liên tiếp và cùng chất như: Cơ, rô, chuồn, bích. Ba người còn lại căn cứ vào số điểm từ thấp đến cao và thua theo thứ tự thua nhất, thua nhì, thua chót. Các lá bài J, Q, K, A được tính lần lượt điểm là 11, 12, 13, 01 điểm. Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận đem theo tiền dùng để đánh bạc, thắng thua cụ thể như sau: Trương Thị Đ1 mang theo số tiền 3.400.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc; Nguyễn Thị M1 mang theo số tiền 25.450.000 đồng và sử dụng 4.250.000 đồng để đánh bạc; Trần Thị K mang theo số tiền 31.900.000 đồng và sử dụng 4.900.000 đồng để đánh bạc; Bùi Thị Đ mang theo số tiền 6.000.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc; Lê Thị Thục H mang theo số tiền 6.400.000 đồng, không dùng để đánh bạc, H sử dụng số tiền của Đ1 để lại tại tụ là 3.900.000 đồng, khi bắt quả tang, tạm giữ trên người H số tiền 6.400.000 đồng và tại tụ số tiền là 2.250.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 18.550.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 193/2024/HS-ST, ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trương Thị Đ1, Nguyễn Thị M1, Trần Thị K, Bùi Thị Đ và Lê Thị Thục H phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Đ 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2024 đến 19/3/2024.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị Thục H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2024 đến 19/3/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo còn lại trong vụ án; quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 18/7/2024 các bị cáo Bùi Thị Đ và Lê Thị Thục H có đơn kháng cáo, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Bùi Thị Đ và Lê Thị Thục H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo Bùi Thị Đ là 10 tháng tù và bị cáo Lê Thị Thục H 07 tháng tù là thỏa đáng và tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Bị cáo Bùi Thị Đ có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xét xử về tội đánh bạc nhưng lại tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo; đối với bị cáo Lê Thị Thục H phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Đ; chấp một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thục H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Đ và sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thục H.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Đ 10 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2024 đến 19/3/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị Thục H 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Bùi Thị Đ và Lê Thị Thục H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại của các bị cáo tại Cơ quan điều

tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập, đánh giá có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 13/3/2024, tại địa chỉ số A V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Bùi Thị Đ, Lê Thị Thục H và các đối tượng Trương Thị Đ1, Nguyễn Thị M1, Trần Thị K cùng nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài Phỏm thắng thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Qua điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo và các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 18.550.000 đồng, trong đó bị cáo Bùi Thị Đ sử dụng 6.000.000 đồng, bị cáo Lê Thị Thục H sử dụng 3.900.000 đồng để đánh bạc. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Thị Đ và bị cáo Lê Thị Thục H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Đối với kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với bị cáo Bùi Thị Đ: Về mức hình phạt 10 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bản thân bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã có 02 lần bị kết án về tội “Đánh bạc”, nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo không có cơ sở để chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Đ, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với bị cáo Lê Thị Thục H: Về mức hình phạt 07 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc cách ly bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu và chỉ vào đánh bạc thay cho Trương Thị Đ1 nên mức độ tham gia có phần hạn chế, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thục H, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Bùi Thị Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo Lê Thị Thục H được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Đ, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2024/HS-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Đ.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thục H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2024/HS-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thục H.

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị Đ và Lê Thị Thục H phạm tội: “Đánh bạc”.

2. Về mức hình phạt:

2.1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Đ 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 13/3/2024 đến ngày 19/3/2024.

2.2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thục H 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Thục H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Thị Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Lê Thị Thục H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các bị cáo;
- UBND phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình